

1. Listen and repeat (Hãy nghe và nhắc lại)

Bài nghe:



Tent (lều, rạp)

Teapot (ấm trà)

Blanket (cái chăn)

2. Point and say (Hãy chỉ và nói)

Các bạn chỉ vào các bức hình tương ứng với các từ và nói:

- Tent (lều, rạp)
- Teapot (ấm trà)
- Blanket (cái chăn)

3. Listen and chant (Hãy nghe và hát)

Bài nghe:

**Lời bài hát:**

T, t, tent.

The tent is near the fence.

T, t, blanket.

The blanket is in the tent.

T, t, teapot.

The teapot is on the table.

Dịch:

T, t, tent (lều)

Cái lều ở gần hàng rào.

T, t, blanket (cái chăn)

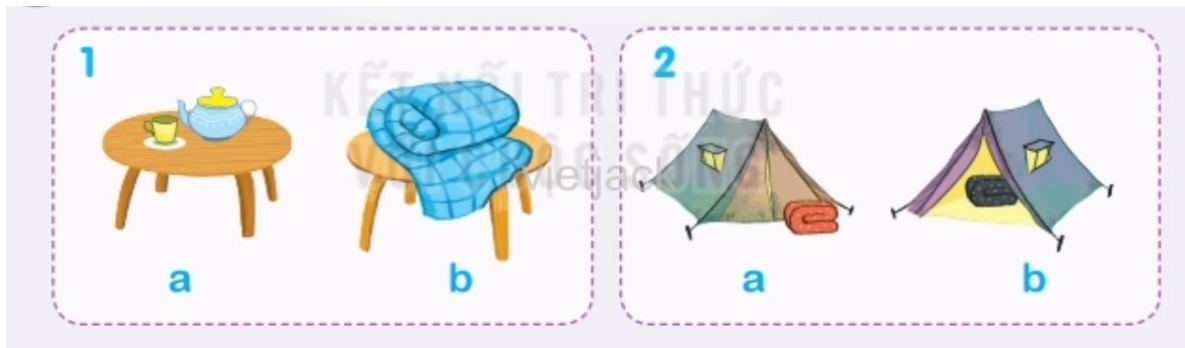
Cái chăn ở trong lều.

T, t, teapot (ấm trà)

Ấm trà ở trên bàn.

4. Listen and circle (Hãy nghe và khoanh tròn)

Bài nghe:



Đáp án:

1. a	2. b
------	------

Audio script:

1. The teapot is on the table.
2. The blanket is in the tent.

Dịch:

1. Ấm trà ở trên bàn.
2. Cái chăn ở trong lều.

5. Write and say (Hãy viết và nói)



Đáp án:

- Tent (lều)
Teapot (ấm trà)

Blanket (cái chăn)

6. Listen and repeat (Hãy nghe và nhắc lại)

Bài nghe:



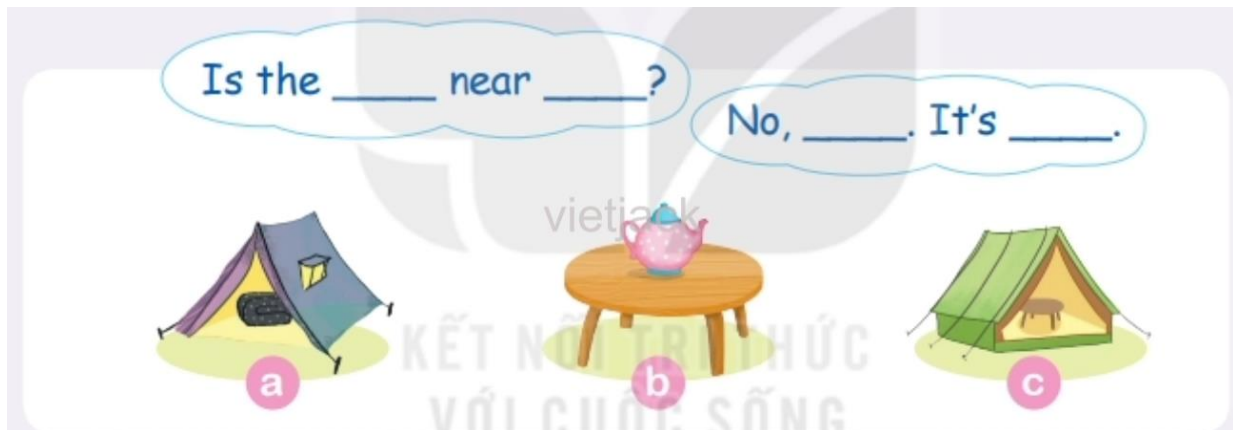
Audio script:

- Is the blanket near the tent?
- No, it isn't. It's in the tent.

Dịch:

- Cái chăn ở gần lều à?
- Không, nó ở trong cái lều.

7. Let's talk (Hãy nói)



Hướng dẫn:

Sử dụng cấu trúc: The _____ is on/in the _____

Đáp án:

- a. - Is the blanket near the tent? – No, it isn't. It's in the tent.
b. – Is the teapot near the table? – No, it isn't. It's on the table.
c. – Is the table near the tent? – No, it isn't. It's in the tent.

Dịch:

- a. – Cái chăn ở gần lều à? – Không, nó ở trong lều.
b. - Ấm trà ở gần bàn à? – Không, nó ở trên bàn.
c. – Cái bàn ở gần lều à? – Không, nó ở trong lều.

8. Let's sing (Hãy hát)**Bài nghe:****Lời bài hát:**

Is the blanket near the tent?
No, it isn't. It's in the tent.
Is the table near the tent?

No, it isn't. It's in the tent.

Is the teapot near the table?

No, it isn't. It's on the table.

Dịch:

Cái chăn ở gần lều à?

Không, nó ở trong lều.

Cái bàn ở gần lều à?

Không, nó ở trong lều.

Ấm trà ở gần bàn à?

Không, nó ở trên bàn.